

4/ _____ candy do you eat every week? A/ How much B/ How many C/ How long D/ How
5/ What's your _____ food? - I like fast food. A/ less B/ favorite C/ most D/ the most
6/ Do you _____ a headache? A/ have B/ feel C/ get D/ take
7/ My cousin is very unhealthy. He's always tired and _____ sick a lot. A/ get B/ gets C/ getting D/ to get
8/ Are you free this Friday? Do want _____ to the movies with me? A/ go B/ to go C/ going D/ goes
9/ Spider- Man is one of the world's most popular _____ and movie characters. A/ comic books B/ author C/ actor D/ effect
10/ Who's Spider-Man? - _____. A/ An author B/ An actor C/ A character D/ A special effect

Bài ghi học sinh

Period 16

THEME 3: HEALTHY LIVING

Lesson 1

I/ New words:

- 1/ healthy (adj): khỏe mạnh/ bổ dưỡng ≠ unhealthy (adj)
 3/ do exercise: tập thể dục
 4/ get some sleep: ngủ
 5/ eat candy: ăn kẹo
 6/ eat fruit: ăn trái cây
 7/ watch TV: xem TV
 8/ drink soda: uống soda
 9/ energy (n): năng lượng
 10 /a lot of = lots of: nhiều

II/ Useful language:

How much **candy** do you eat every day?

I eat lots of candy. I like it.

That's unhealthy.

III/ Grammar note:

- + Quantifiers (Lượng từ): a lot of, lots of, some, any, a little: để nói về số lượng
 Ex: I drink lots of water.

Period 17

THEME 3: HEALTHY LIVING**Lesson 1 (part 2)****I/ Grammar:**

How much + uncountable noun (danh từ không đếm được)?

Ex: **How much** exercise do you do every week?

I do a lot of exercise every week.

II/ **Exercise:** làm bài tập trang 22: a, b ; trang 23: a, b trong sách Workbook.

Period 18

THEME 3: HEALTHY LIVING**Lesson 2 (part 1)****I/ New words:**

1/ headache (n): đau đầu, nhức đầu

2/ stomachache (n): đau bụng

2/ rest (n): nghỉ ngơi

3/ medicine(n): thuốc

4/ dizzy (adj): hoa mắt, mờ mắt

6/ sick (adj): bệnh, không được khỏe

7/ weak (adj): yếu, không khỏe

8/ feel (v): cảm thấy

Note:

I have a cold.

Get some sleep. (lời khuyên)

II/ Note: Useful Language

How do you feel today? – I feel sick.

Do you have a stomach ache? – Yes, I do.

Do you eat a lot of fast food? – Yes, I do.

You shouldn't eat **too much** fast food.1) **too many** + countable nouns / **too much** + uncountable nouns

- Countable nouns (danh từ đếm được): a chocolate bar → chocolate bars (plural)

- Uncountable nouns: (danh từ không đếm được): soda → soda

2) Should/ shouldn't + bare infinitive (để nói lời khuyên: nên/ không nên)

Ex: We shouldn't drink too much soda.**III/ Exercise:** làm bài tập a, b trang 24 trong sách Workbook